

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2024

V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông **Lê Minh Toàn**

Bà **Huỳnh Kim Phụng**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:*** không tham gia.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 594/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ hộ khẩu: Số G, ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp K, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh **Trương Việt N**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Số G, ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015 qua quen biết chị và anh N đã tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 09/9/2016 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Thời gian sau kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên sử dụng bạo lực gia đình với chị nên vợ chồng thường hay cự cãi và dần vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bản thân chị đã nhiều lần khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7 năm 2023 đến nay. Trước đó, chị đã 03 lần nộp đơn xin ly hôn với anh N nhưng do anh N năn nỉ và chị còn thương chồng con nên chị đã rút đơn, sau khi rút đơn khỏi kiện thì vợ chồng cũng không hàn gắn được. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Việt N.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trương Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/01/2018 hiện đang sống với chị K. Khi ly hôn chị K yêu cầu nuôi dưỡng con chung Trương Nguyễn Gia H, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị có đủ điều kiện nuôi con như: hiện có chỗ ở ổn định ở xã M, huyện B; công việc bán cà phê tại nhà, bán mỹ phẩm và làm nail thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng; từ tháng 01/2022 đến nay anh N cũng không có phụ tiền nuôi con, do chị tự nuôi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn anh Trương Việt N trình bày:*

Vào năm 2015 qua quen biết anh và chị K đã tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 09/9/2016 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Anh và chị K không có mâu thuẫn, mâu thuẫn phát sinh là do bên vợ và vợ, con anh bệnh mà đi khám thầy, không đi bác sỹ nên vợ chồng cự cãi. Khi con được 02 tuổi thì vợ chồng thuê nhà trọ ở xã P, huyện L sống nhưng chị K lại muốn cho con học ở xã M, huyện B nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ngoài ra, vợ chồng còn mâu thuẫn về tiền bạc do chị K nghĩ làm mượn nợ mà nói 02 lần không đúng nên anh có la vợ. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 11/2023 đến nay, anh có năn nỉ nhưng chị K không đồng ý về. Nay chị K yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý lý do anh còn thương vợ con.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trương Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/01/2018 hiện đang sống với chị K nhưng chị K không cho anh biết chỗ ở nên anh tìm không được, điện thoại nhắn tin chị K cũng không được, sau đó anh bị bệnh và lên thành phố Hồ Chí Minh chữa bệnh và học để đi nước ngoài từ tháng 9 đến tháng 12/2023 nên không có tiền gởi cho con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung, anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Anh có đủ điều kiện nuôi con như: có chỗ ở ổn định là nhà ở gắn liền với đất diện tích 870m² (hiện trông nhân có thu nhập) tọa lạc xã Đ, huyện L, công việc thu nhập ổn định mỗi tháng 12.000.000 đồng, thời gian làm việc của từ 07 giờ đến 5 giờ chiều có khi tăng ca đến 12 giờ đêm nếu nuôi con anh thì anh sẽ thuê người đưa rước con. Từ tháng 09/2023 đến nay anh không có phụ tiền cho chị K nuôi con. Chị K trình bày hiện chị K có chỗ ở ổn định là không đúng, chị K ở nhà thuê, công việc buôn bán của chị K thu nhập cũng không ổn định.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh N và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trương Nguyễn Gia H, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Trương Việt N trình bày: anh và chị K phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh nghi ngờ chị K có người khác nhưng anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh, vợ chồng có cự cãi đánh nhau 02 lần và không còn sống chung từ tháng 11/2023 đến nay. Anh N không đồng ý ly hôn do còn thương vợ; trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn Trương Việt N1 có địa chỉ tại xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Trương Việt N kết hôn có đăng ký kết hôn vào 09/9/2016 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết được mâu thuẫn. Theo nguyên đơn trình bày, mâu thuẫn do anh N thường xuyên sử dụng bạo lực gia đình với chị nhưng chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bị đơn anh N cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn về việc chữa bệnh cho con, về nơi học của con, về tiền bạc và anh nghi ngờ chị K không chung thủy có người khác (nhưng anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh) nên dẫn đến cự cãi nhau, đánh nhau 02 lần. Anh N và chị K đều xác định vợ chồng không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống. Trước đó chị K đã 03 lần nộp đơn xin ly hôn với anh N nhưng đã rút đơn, sau khi rút đơn vợ chồng cũng không hàn gắn được. Tại phiên tòa, chị K xác định không còn tình cảm với anh N và chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh N không đồng ý ly hôn với chị K vì anh còn thương vợ.

Xét thấy, giữa chị K và anh N phát sinh mâu thuẫn đã lâu dẫn đến việc chị K đã nộp đơn ly hôn đến nay là lần thứ tư nhưng vợ chồng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Chị K và anh N không còn sống với nhau từ cuối năm 2023 đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong

gia đình, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Vì vậy, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị K và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của chị K yêu cầu được ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: chị K và anh N có 01 con chung tên Trương Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/01/2018 hiện đang sống với chị K. Chị K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung.

Anh N trình bày, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung.

Xét, con chung là bé gái mới hơn 05 tuổi hiện đang sống ổn định với chị K và đang học tại trường mầm non xã M, huyện B (có xác nhận của trường). Chị K trình bày, chị có chỗ ở ổn định (chị có cung cấp hợp đồng thuê nhà dài hạn), chị làm việc tại nhà nên có thời gian chăm sóc con và thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Anh N cho rằng anh có đủ điều kiện nuôi con nhưng công việc của anh thời gian làm 07 giờ sáng đến 05 giờ chiều có khi tăng ca nếu nuôi con thì những lúc về trễ anh sẽ thuê người rước con hoặc nhờ cô giáo giữ dùm; ngoài ra anh bận công việc nên không có thời gian nấu cơm mà mua thức ăn nấu sẵn như vậy sẽ không đảm bảo việc chăm sóc con so với chị K.

Từ đó cho thấy, chị K có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con và để ổn định cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quyết định giao cháu H cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị K và anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều .

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Trương Việt N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/01/2018 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Trương Việt N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trương Nguyễn Gia H mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị K nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp theo biên lai thu số 0000687 ngày 29/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên chị K không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thị Ánh Tuyết